

Bản án số: **34/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 22-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Hữu Đoàn.

Bà Nguyễn Bé Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lua là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị C, sinh năm 1977 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Cao Thanh P, sinh năm 1973 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp 1, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-3-2019 và biên bản hòa giải ngày 14-5-2019 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị C và anh Cao Thanh P tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 20-02-2009. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P thường hay đi sớm về khuya không quan tâm chăm sóc cho chị và các con chung; anh P không trung thực trong quản lý tài chính gia đình và không tôn trọng ý kiến của chị trong việc làm ăn. Vợ chồng ly thân từ tháng 11 năm 2018算 cho đến nay. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Kim N (nữ), sinh ngày 19-01-1999, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Cao

Vĩnh K (nam), sinh ngày 25-10-2003. Khi ly hôn, chị C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 14-5-2019 cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Cao Thanh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P thống nhất với lời trình bày của chị C về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Anh P xác định anh có thường đi sớm về khuya, có độc đoán trong quá trình làm ăn kinh tế gia đình. Ngoài ra, vợ chồng không gần gũi nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nay anh P còn tình cảm yêu thương chị C nên không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh P thống nhất như lời trình bày của chị C về con chung. Trường hợp ly hôn, anh P đồng ý giao cháu Cao Vĩnh K cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh P thống nhất với lời trình bày của chị C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 25-3-2019, thể hiện: Cháu Cao Vĩnh K có nguyện vọng sống với chị C, vì từ trước đến nay chị C chăm sóc cho cháu tốt hơn, còn anh P thì không quan tâm đến cuộc sống của cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị C và anh Cao Thanh P tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 20-02-2009 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh P được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị C, thấy rằng: Tại phiên tòa, chị C xác định vợ chồng đã ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay; hiện nay chị không còn tình cảm yêu thương anh P và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Đồng thời, chị C khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cân nhắc nhận yêu cầu của chị C được ly hôn với anh P.

[3] Về nuôi con chung: Chị C và anh P thỏa thuận giao con chung là Cao Vĩnh K (nam), sinh ngày 25-10-2003 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị C và anh P là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu K nên được Tòa án chấp nhận. Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai

được cản trở. Chị C và anh P không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh P tự thỏa thuận về tài sản chung và thống nhất xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị C ly hôn với anh Cao Thanh P.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Cao Vĩnh K (nam), sinh ngày 25-10-2003 cho chị Lê Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Cao Thanh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị C và anh Cao Thanh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 11 tháng 4 năm 2019, chị C đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0004313 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị C và anh Cao Thanh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã K, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út